

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1269/QĐ-BXD**

Hà Nội, ngày **09** tháng **10** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

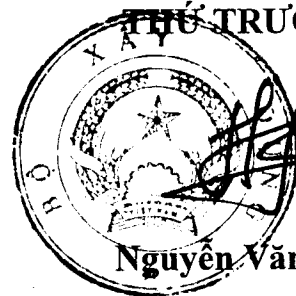
Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, VP (KSTT).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Sinh

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ
TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA BỘ XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1269/QĐ-BXD ngày 09 tháng 10 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
I. Cấp giấy phép xây dựng	
1	Cấp giấy phép xây dựng cấp đặc biệt (bao gồm giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình)
2	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt
II. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
3	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I
4	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (hạng I)
5	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I
6	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I (trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)
7	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)
8	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I (trường hợp do lỗi của cơ quan cấp)
9	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng I của cá nhân nước ngoài
III. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	
10	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I
11	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I
12	Điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I
13	Điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (hạng I)

IV. Thẩm định dự án, thiết kế, dự toán	
14	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (<i>quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP</i>) ⁽¹⁾
15	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (<i>quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD</i>) ⁽²⁾
16	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (<i>quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP</i>) ⁽³⁾
V. Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	
17	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam
18	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam

⁽¹⁾Bao gồm thẩm định dự án/dự án điều chỉnh đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước nhóm A, dự án từ nhóm B trở xuống do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đầu tư; tổ chức thẩm định dự án đầu tư xây dựng do Thủ tướng chính phủ giao; thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh của dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách nhóm A, dự án quy mô từ nhóm B trở xuống do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư, dự án do Thủ tướng chính phủ giao, dự án PPP (quy định tại Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP) và công trình cấp đặc biệt, cấp I sử dụng vốn khác.

⁽²⁾Bao gồm thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước), cụ thể: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh sử dụng vốn ngân sách nhà nước do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đầu tư; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước, trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư, trừ dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 5 (năm) tỷ đồng; thiết kế bản vẽ thi công/thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh công trình cấp đặc biệt, cấp I sử dụng vốn khác; trừ các dự án quy định tại Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

⁽³⁾Bao gồm thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh của công trình cấp đặc biệt, cấp I, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao; Công trình thuộc dự án do các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư sử dụng vốn NSNN; Công trình từ cấp III trở lên của dự án thuộc chuyên ngành do Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý của các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách; Công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên sử dụng vốn khác.

VI. Thủ tục hành chính khác	
19	Công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
B. LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG, GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	
I. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	
20	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (bao gồm: Hệ thống cốp pha trượt; hệ thống cốp pha leo; hệ giàn thép ván khuôn trượt; máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng; máy bơm bê tông; cần trục tháp; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng; máy thi công công trình hầm, ngầm; hệ giàn giáo thép, thanh, cột chống tổ hợp; sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng)
21	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng
22	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng
II. Cấp chứng chỉ kiểm định viên	
23	Cấp chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng
24	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng
III. Giám định tư pháp xây dựng	
25	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân là công chức thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ
26	Đăng ký, công bố thông tin đối với cá nhân là công chức thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có nhu cầu là người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc; tổ chức tư vấn là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ có nhu cầu là tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc

27	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Bộ Xây dựng đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin
IV. Quản lý chất lượng công trình xây dựng	
28	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp I, công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên, công trình do Bộ Xây dựng, bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng
C. LĨNH VỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG	
29	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
30	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
31	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
32	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm)
D. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC	
33	Công nhận khu đô thị mới kiểu mẫu
E. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	
34	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ
35	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
36	Lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

37	Lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt
38	Lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt
F. LĨNH VỰC NHÀ Ở	
39	Công nhận cơ sở đào tạo đủ điều kiện đào tạo kiến thức chuyên môn nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư
40	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Chính phủ
41	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng

